

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/DS-ST
Ngày: 21-8-2024
V/v Tranh chấp dân sự về hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Thiện Bửu;
- Bà Nguyễn Thị Phương Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thanh T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số H, đường B, tổ B, ấp H, xã H, thành phố C, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1983

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố H, Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Duy K, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện L, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T trình bày: Bà là chủ hui, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 là hui viên. Thời gian bắt đầu từ ngày 17/01/2024, sau khi hết các dây hui xong thì đến ngày 20/4/2024 bà T1 mất liên lạc, không đóng hui chết, khóa zalo (Nick N), khóa điện thoại đến nay vẫn không liên lạc được. Tổng số tiền bà T1 không đóng cho bà theo chu kì hui cho đến thời điểm hiện tại tháng 7/2024 là 21.750.000đồng. Cụ thể:

1/ Dây hụi 02 ngày 500.000đ, khai ngày 9/4/2024, có 29 phần, bà T1 tham gia 01 phần, đóng tới hết kì 9 bà T1 không đóng nữa. Dây hụi này bà T1 chưa hốt nên bà T sang lại cho hụi viên tên Lê Duy K và hoàn trả vốn cho bà T1 là 3.860.000đồng. Chi tiết: Tính đến ngày 26/4/2024 bà T1 đã đóng được 9 kì gồm:

Kì 1: giá 100.000đ, đóng 400.000đ

K: giá 100.000đ, đóng 400.000đ

K: giá 100.000đ, đóng 400.000đ

K: giá 100.000đ, đóng 400.000đ

K: giá 90.000đ, đóng 410.000đ

K: giá 50.000đ, đóng 450.000đ

K: giá 40.000đ, đóng 460.000đ

K: giá 30.000đ, đóng 470.000đ

K: giá 30.000đ, đóng 470.000đ

Tổng đóng và hoàn lại: 3.860.000đ;

2/ Dây hụi ngày 300.000đ, khai ngày 10/4/2024, có 31 phần, bà T1 tham gia 02 phần, hốt 01 phần vào kì thứ 9, còn 01 phần sống bà T ôm kì 18, hoàn lại cho T1 17 kì và trừ tiền đóng hụi chết. Bà T còn nợ lại bà T1 390.000đ. Chi tiết: Ngày 27- 28/4/2024, sang hụi kì 18 giá mỗi kì 30.000đ. H lại mỗi kì 270.000đ x 17kì = 4.590.000đ, trừ hụi chết 14kì x 300.000đ = 4.200.000đ, còn dư 390.000đồng.

3/ Dây hụi tuần 500.000đ, khai ngày 24/1/2024, thứ 4 hàng tuần, có 22 phần, bà T1 tham gia 4 phần. Hốt xong không đóng, dây này đã mất và bà T1 nợ dây này là 22.000.000đồng. Chi tiết:

* Hụi T (D12 tuần 500.000đ) - 22phần - Đấu max 100.000đ, nền 30.000đ, khai thứ 4 hàng tuần. Ngày 20/03/2024 khai lần 9 (đóng và giao ngày 22/03/2024)

+ Lần 9 (D1): Bà T1 hốt giá 35.000đ. 13sống x 465.000đ = 6.045.000đ. 8chết x 500.000đ = 4.000.000đ. Trừ huê hồng 200.000đ. Tổng: 9.845.000đ.

+ Lần 9 (D2): Giống như trên nên tổng còn nợ 9.845.000đ (Hai dây khai song song).

=>TỔNG CỘNG hai dây: 19.690.000đ.

- Trừ 2sống-kỳ 9 (D12 tuần 500): 930.000đ.

- Trừ 6chết và 4sống-kỳ 24 (D11 02ngày 100): 980.000đ.

- Trừ 2sống-kỳ 3 (D4 4ngày 200): 360.000đ.

= TỔNG GIAO: 17.420K

* Hụi Tuần (D12 tuần 500.000đ) - 22phần - Đấu max 100.000đ, nền 30.000đ, khai thứ 4 hàng tuần, ngày 03/04/2024, khai lần 11 (đóng và giao ngày 05/04/2024)

Lần 11 (D1): Bà T1 hốt giá 80.000đ, 11sống x 420.000đ = 4.620.000đ. 10chết x 500.000đ = 5.000.000đ, trừ huê hồng 200.000đ (Tổng: 9.420.000đ) + Lần 11 (D2): 9.420.000đ =>TỔNG CỘNG: 18.840.000đ

- Trừ 2chết-kỳ 11 (D12tuần500): 1.000k - Trừ 2sống - kỳ 16,17 (D4(4)n200): 760.000đ - Trừ 10chết - kỳ 37,38 (D11(2)n100): 2.000.000đ = TỔNG GIAO: 15.080.000đ.

Từ kỳ 12 bà Nguyễn Thị Ngọc T1 không đóng D12: (kỳ 12 - 22): 11 kỳ x 2.000.000đ nên tổng nợ dây này 22.000.000đ.

4/ Hui tháng 1.000.000đ (Dây này hót để xử lý khẩn cấp các dây hui bà T1 bỏ ngang không đóng), hui khui ngày 24/3/2024, dây 18 phần, xử lý Tuyên 01 phần. Chi tiết:

Dây hui xử lý: Hui tháng 1.000.000đ D - 2 dây mỗi dây 18 phần. Ngày 24/04/2024, khui lần 02 - khui lần 02 bà T1 hót, giá 290.000đ, đóng 710.000đ, 1chết x 1.000.000đ = 1.000.000đ, 16sống x 710.000đ = 11.360.000đ, trừ huê hồng 500.000đ => TỔNG CỘNG HÓT ĐƯỢC: 11.860.000đ. Dây này tổng nợ đến tháng 7/2024 là 4.000.000đ. Hiện nay dây hui này chưa mãn, tính đến mãn hui dây này là bà T1 nợ 16.000.000đ.

Vậy tổng cộng bà T1 còn nợ bà T tính đến hết tháng 7/2024 là 21.890.000đồng. Nếu tính tới mãn dây hui này thì bà T1 nợ tổng cộng: 33.750.000đồng.

Nay bà Phan Thị Thanh T yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc T1 trả nợ hui cho bà T tổng cộng số tiền 21.890.000đồng (tính đến hết tháng 7/2024), không tính lãi.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T1: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của vụ án cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật, nhưng bị đơn không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Duy K xác nhận ông có tham gia chơi hui cùng chung với bà T1 do bà T làm chủ hui, ông có mua lại chân hui của bà T1 như bà T trình bày. Ông có giao tiền mua hui cho bà T khoảng hơn 3.000.000đồng. Nhưng đến nay chân hui này ông cũng đã hót xong nên ông không yêu cầu, không tranh chấp gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 166, Điều 471 Bộ Luật dân sự; Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T. Đối với phần tiền hui chưa đến hạn, nếu sau này bà T có yêu cầu thì sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp dân sự về hui nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc T1** vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt đương sự này. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- Xét yêu cầu của nguyên đơn bà **Phan Thị Thanh T** yêu cầu bà **Nguyễn Thị Ngọc T1** trả cho bà số tiền hội đến tháng 7 năm 2024 là 21.890.000đồng (Hai mươi một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Việc bà **T** tổ chức các dây hội do bà **T** làm chủ là chưa đảm bảo về mặt hình thức, nội dung và thông báo theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 12, Điều 13, và điểm b khoản 1 Điều 14 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường như: Không thỏa thuận bằng văn bản, không được công chứng, chứng thực, danh sách các dây hội không có những nội dung chủ yếu như sau: Họ, tên, số CMND (Căn cước), ngày tháng năm sinh, nơi cư trú của chủ hội, của các thành viên, thể thức góp hội, lãnh hội, mức hoa hồng của chủ hội, lãi suất trong hội, trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ, không có sổ hội ghi rõ các nội dung ngày góp hội, số tiền đã góp của từng thành viên, ngày lãnh hội, số tiền lãnh hội của thành viên lãnh hội, chữ ký hoặc điểm chỉ của thành viên khi góp hội và lãnh hội...và không có thông báo về việc tổ chức dây hội khi tổ chức từ hai dây hội trở lên phải thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân C (phường) nơi cư trú.

+ Mặc dù bà **T1** không có mặt tại địa phương, nhưng khi tham gia chơi hội bà **T1** có gửi giấy căn cước cho bà **T**. Theo xác nhận của chính quyền địa phương thì bà **T1** có đăng ký thường trú tại **khóm A, phường A, thành phố H, Đồng Tháp**. Bà **T1** đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn không có văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà **T**. Đây là quyền, nghĩa vụ của bà **T1**, nhưng bà **T1** từ bỏ quyền này, nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

+ Bà **T** cung cấp cho Tòa án các danh sách hội của từng dây hội theo bà **T** yêu cầu nhưng chưa đảm bảo đầy đủ nội dung như đã nêu trên, có các nội dung trong tin nhắn trên Zalo (**Nick N**), xác nhận bà **T1** có tham gia chơi hội với bà **T**. Như vậy, bà **Nguyễn Thị Ngọc T1** có làm thành viên tham gia chơi hội do bà **Phan Thị Thanh T** làm chủ là có thật.

+ Theo xác nhận của **Ngân hàng S** thì bà **Nguyễn Thị Ngọc T1** có đăng ký tài khoản tại Ngân hàng này và vào ngày 22/3/2024 bà **Phan Thị Thanh T** có chuyển khoản cho bà **Nguyễn Thị Ngọc T1** số tiền hót hội là 17.420.000đ. Đến ngày 05/4/2024 bà **Phan Thị Thanh T** có chuyển khoản cho bà **Nguyễn Thị Ngọc T1** số tiền hót hội là 15.080.000đ (cũng có xác nhận của **Ngân hàng V**). Tổng số tiền này sau khi trừ các phần hội chết của bà **T1** chưa đóng, tiền bán hội lại cho ông **K**, bà **T** thì bà **T1** còn nợ lại bà **T** tính đến hết tháng 7/2024 là 21.890.000đồng.

+ Ông **Lê Duy K** xác nhận có việc ông mua lại chân hội của bà **Nguyễn Thị Ngọc T1**, ông không yêu cầu, không tranh chấp gì trong vụ án này. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Như vậy, xác định bà Nguyễn Thị Ngọc T1 có tham gia chơi hụi do bà Phan Thị Thanh T làm chủ. Nhưng thực tế thì bà T có giao tiền hụi cho bà T1 khi bà T1 hốt hụi và khi tính cụ thể các dây hụi thì phù hợp theo lời trình bày của bà T. Do đó, yêu cầu của bà Phan Thị Thanh T là có căn cứ chấp nhận.

Đối với dây hụi tháng 1.000.000đ, khai ngày 24/3/2024 chưa mãn, nếu sau này bà T có yêu cầu thì sẽ khởi kiện thành vụ án khác, tính từ tháng 8 năm 2024 trở về sau.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T1 có nghĩa vụ trả nợ hụi cho bà Phan Thị Thanh T tính đến hết tháng 7/2024 là 21.890.000đồng, không tính lãi.

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự là có căn cứ như nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên bà T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Bà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ- CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phưởng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T1 có nghĩa vụ trả nợ hụi cho bà Phan Thị Thanh T tính đến hết tháng 7/2024 là 21.890.000đ (Hai mươi một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng), không tính lãi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Buộc bà **Nguyễn Thị Ngọc T1** chịu 1.094.500đ (Một triệu không trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà **Phan Thị Thanh T** được nhận lại 547.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 05170, ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Thảo